

Số: 567 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ nguồn vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014, nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2012-2013 và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 hỗ trợ đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã và xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BKHĐT ngày 27/01/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ và nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2015;

Căn cứ Thông báo số 1285-TB/TU ngày 30/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bổ sung kinh phí để hỗ trợ các xã xây mới, cải tạo, nâng cấp trạm y tế theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Công văn số 44/CV-HĐND ngày 26/02/2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014, nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2012 - 2013, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 173/TTr-SKHĐT ngày 24/02/2015 về việc phân bổ nguồn vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014, nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2012 - 2013 và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 hỗ trợ đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã và xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ 116.200 triệu đồng từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014, nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2012 - 2013 và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 hỗ trợ xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã và xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong đó:

1. Ngân sách tỉnh là **46.200 triệu đồng**

- Từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2014 là 44.000 triệu đồng (tại Thông báo số 1285-TB/TU ngày 30/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy);

- Từ nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2012 sang năm 2013 còn lại là 410 triệu đồng;

- Từ nguồn kết dư Xổ số kiến thiết năm 2013 là 1.790 triệu đồng (tại Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh);

2. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ là **70.000 triệu đồng** (tại Quyết định số 89/QĐ-BKHĐT ngày 27/01/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

## **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ**

1. Hỗ trợ xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã

- Hỗ trợ 59 xã, thị trấn xây mới, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã mỗi xã, thị trấn được hỗ trợ là 1.000 triệu đồng;

- Hỗ trợ các xã, thị trấn chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 và các xã, thị trấn chưa được hỗ trợ trong 2 năm 2014-2015;

- Đối với các xã chưa có địa điểm xây mới trạm y tế xã thì điều chuyển sang làm đường giao thông nông thôn ở các xã khó khăn của tỉnh và các xã đăng ký đạt xã nông thôn mới vào năm 2014 – 2016 trong địa bàn cùng huyện;

- Chỉ hỗ trợ các dự án đã có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây mới, cải tạo, sửa chữa các trạm y tế theo tiêu chí nông thôn mới.

2. Hỗ trợ xây dựng làm đường giao thông nông thôn

- Hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn 57 xã, mỗi xã 1.000 triệu đồng;

- Ưu tiên hỗ trợ các xã khó khăn của tỉnh, các xã đã đăng ký đạt xã nông thôn mới vào năm 2014 - 2016;

- Ưu tiên các xã đạt nhiều tiêu chí về xây dựng nông thôn mới và các xã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh ở mức thấp giai đoạn 2011 - 2015.

- Chỉ hỗ trợ các dự án đã có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các tuyến đường giao thông nông thôn theo quy hoạch nông thôn mới.

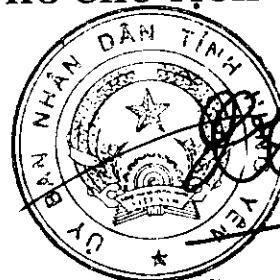
3. Thời hạn thanh toán: Đến ngày 30/6/2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, thị trấn được phân bổ kinh phí tại Điều 1 Quyết định này và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

### **Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đề b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT(đề b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sup>D</sup>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Nguyễn Xuân Thới**

**PHỤ LỤC: PHÂN BỐ NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2014, NGUỒN KẾT DƯ XỔ SỔ KIẾN THIẾT  
NĂM 2012 - 2013 VÀ NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2015 HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY MỚI, CẢI TẠO,  
SỬA CHỮA TRẠM Y TẾ XÃ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 27/2/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)				Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh		Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015		
					Nguồn XSKT kết dư năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>				<b>116.200</b>	<b>2.200</b>	<b>44.000</b>	<b>70.000</b>		
<b>A</b>	<b>Hỗ trợ 59 xã, thị trấn của 10 huyện, thành phố xây mới, cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã</b>			<b>59.200</b>	<b>2.200</b>	<b>44.000</b>	<b>13.000</b>		
<b>I</b>	<b>Thành phố Hưng Yên</b>								
1	Trạm Y tế xã Hùng Cường	50A/QĐ-UBND ngày 25/8/2014	1.147	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hùng Cường
2	Trạm Y tế xã Quảng Châu	32/QĐ-UBND ngày 27/8/2013	1.257	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Quảng Châu
3	Trạm Y tế xã Tân Hưng	71B/QĐ-UBND ngày 22/8/2014	1.135	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Tân Hưng
<b>II</b>	<b>Huyện Phù Cừ</b>								
4	Trạm Y tế xã Minh Tiến	15/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	1.193	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Minh Tiến
5	Trạm Y tế xã Nhật Quang	65/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	1.203	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Nhật Quang
6	Trạm Y tế xã Tiên Tiến	46/QĐ-UBND ngày 10/12/2014	1.189	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Tiên Tiến

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>III</b>	<b>Huyện Mỹ Hòa</b>								
7	Trạm Y tế xã Hòa Phong	45/QĐ-UBND ngày 20/12/2014	1.016	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hòa Phong
8	Trạm Y tế xã Hưng Long	102/QĐ-UBND ngày 19/12/2014	1.019	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hưng Long
9	Trạm Y tế xã Ngọc Lâm	35b/QĐ-UBND ngày 25/9/2014	1.166	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Ngọc Lâm
10	Trạm Y tế xã Xuân Dục	29/QĐ-UBND ngày 08/11/2014	4.252	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Xuân Dục
<b>IV</b>	<b>Huyện Văn Lâm</b>								
11	Trạm Y tế xã Minh Hải	97b/QĐ-UBND ngày 26/10/2014	2.200	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Minh Hải
12	Trạm Y tế xã Việt Hưng	53/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	2.000	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Việt Hưng
<b>V</b>	<b>Huyện Văn Giang</b>								
13	Trạm Y tế xã Phụng Công	16a/QĐ-UBND ngày 27/3/2013	2.697	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Phụng Công
14	Trạm Y tế xã Tân Tiến	84A/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	3.605	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Tân Tiến
15	Trạm Y tế xã Thắng Lợi	39/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	1.175	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Thắng Lợi
16	Trạm Y tế xã Cửu Cao	09A/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.218	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Cửu Cao

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
17	Trạm Y tế xã Liên Nghĩa	26/QĐ-UBND ngày 12/02/2015	1.178	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Liên Nghĩa
<b>VI</b>	<b>Huyện Tiên Lữ</b>								
18	Trạm Y tế xã Thụy Lôi	120/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	1.224	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Thụy Lôi
19	Trạm Y tế xã Trung Dũng	90/QĐ-UBND ngày 03/11/2014	1.170	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Trung Dũng
20	Trạm Y tế xã Lệ Xá	10/QĐ-UBND ngày 10/3/2013	2.292	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Lệ Xá
21	Trạm Y tế xã Đức Thắng	01/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	1.199	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Đức Thắng
22	Trạm Y tế xã Hưng Đạo	26/QĐ-UBND ngày 22/8/2013	1.793	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hưng Đạo
23	Trạm Y tế xã Ngô Quyền	42/QĐ-UBND ngày 23/10/2014	1.199	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Ngô Quyền
<b>VII</b>	<b>Huyện Yên Mỹ</b>								
24	Trạm Y tế xã Đồng Than	94/QĐ-UBND ngày 16/9/2014	1.170	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Đồng Than
25	Trạm Y tế xã Tân Việt	22b/QĐ-UBND ngày 05/9/2014	1.167	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Tân Việt
26	Trạm Y tế xã Thanh Long	95/QĐ-UBND ngày 16/9/2014	1.220	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Thanh Long
27	Trạm Y tế xã Trung Hòa	53/QĐ-UBND ngày 06/9/2014	1.261	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Trung Hòa

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)				Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh		Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015		
					Nguồn XSKT kết đư năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
28	Trạm Y tế xã Việt Cường	59b/QĐ-UBND ngày 22/9/2014	1.167	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Việt Cường
<b>VIII</b>	<b>Huyện Kim Động</b>								
29	Trạm Y tế xã Vũ Xá	53/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.271	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Vũ Xá
30	Trạm Y tế thị trấn Lương Bằng	93c/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.725	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND thị trấn Lương Bằng
31	Trạm Y tế xã Đồng Thanh	81/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.575	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Đồng Thanh
32	Trạm Y tế xã Hiệp Cường	68A/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.335	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hiệp Cường
33	Trạm Y tế xã Nghĩa Dân	68/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.161	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Nghĩa Dân
34	Trạm Y tế xã Ngọc Thanh	49a/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.531	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Ngọc Thanh
35	Trạm Y tế xã Song Mai	77A/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.634	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Song Mai
<b>IX</b>	<b>Huyện Khoái Châu</b>								
36	Trạm Y tế Việt Hòa	49/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	1.204	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Việt Hòa
37	Trạm Y tế thị trấn Khoái Châu	48A/QĐ-UBND ngày 07/10/2014	1.195	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND thị trấn Khoái Châu

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSQT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
38	Trạm Y tế xã Chí Tân	85/QĐ-UBND ngày 29/9/2014	1.181	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Chí Tân
39	Trạm Y tế xã Đông Tào	06/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.199	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Đông Tào
40	Trạm Y tế xã Hàm Tử	39b/QĐ-UBND ngày 26/9/2014	1.169	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Hàm Tử
41	Trạm Y tế xã Liên Khê	70/QĐ-UBND ngày 22/9/2014	1.165	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Liên Khê
42	Trạm Y tế xã Nhuế Dương	04/QĐ-UBND ngày 10/01/2015	1.470	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Nhuế Dương
43	Trạm Y tế xã Ông Đình	52A/QĐ-UBND ngày 28/9/2014	1.167	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Ông Đình
44	Trạm Y tế xã Thành Công	35A/QĐ-UBND ngày 14/10/2014	1.186	1.000		1.000		Phần còn lại	UBND xã Thành Công
45	Trạm Y tế xã Thuận Hưng	022/QĐ-UBND ngày 10/01/2015	2.016	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Thuận Hưng
<b>X</b>	<b>Huyện Ân Thi</b>								
46	Trạm Y tế xã Đa Lộc	58/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đa Lộc
47	Trạm Y tế xã Phù Ủng	110A/QĐ- UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Phù Ủng
48	Trạm Y tế xã Đào Dương	59/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đào Dương

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
49	Trạm Y tế xã Hạ Lễ	46/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hạ Lễ
50	Trạm Y tế xã Quang Vinh	55/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Quang Vinh
51	Trạm Y tế xã Đặng Lễ	75/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đặng Lễ
52	Trạm Y tế xã Bắc Sơn	03/QĐ-UBND ngày 26/01/2015	1.781	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Bắc Sơn
53	Trạm Y tế xã Cẩm Ninh	17/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.781	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Cẩm Ninh
54	Trạm Y tế xã Hoàng Hoa Thám	02/QĐ-UBND ngày 26/01/2015	1.881	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hoàng Hoa Thám
55	Trạm Y tế xã Hồng Vân	10/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.781	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hồng Vân
56	Trạm Y tế xã Hồ Tùng Mậu	05/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.781	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hồ Tùng Mậu
57	Trạm Y tế xã Tân Phúc	05/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.501	1.100	1.100			Phần còn lại	UBND xã Tân Phúc
58	Trạm Y tế xã Vân Du	09/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.781	1.100	1.100			Phần còn lại	UBND xã Vân Du
59	Trạm Y tế xã Văn Nhuệ	05a/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	1.116	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Văn Nhuệ



STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>B</b>	<b>Hỗ trợ 57 xã của 10 huyện, thành phố xây dựng đường GTNT</b>			<b>57.000</b>			<b>57.000</b>		
<b>I</b>	<b>Thành phố Hưng Yên</b>								
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ nhà ông Lộc đi ngã tư Tiểu xã Hồng Nam)	50/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Tân Hưng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiếu (đoạn từ Quốc lộ 39A đi Phú Vị)	56/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	1.140	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Phương Chiếu
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Nam	16/QĐ-UBND ngày 10/02/2015	1.130	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hồng Nam
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh	02/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	1.120	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hoàng Hanh
<b>II</b>	<b>Huyện Phù Cừ</b>								
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hoà (đoạn từ nhà ông Thêm đến nhà ông Kiên, thôn La Tiến)	64/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	1.139	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Nguyễn Hòa
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Hát đến nhà ông Tường, thôn Tam Đa)	36/QĐ-UBND ngày 09/10/2014	1.137	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Tam Đa
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Sào Nam (đoạn từ nhà ông Dụ đến Nghĩa trang nhân dân thôn Phương Bò)	65/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Phan Sào Nam

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân (đoạn từ sau ông Quynh. xóm An Vượt đến bến đò Phan, thôn An Cầu	60/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	1.137	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Tổng Trân
<b>III</b>	<b>Huyện Mỹ Hòa</b>								
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cầm Xá	03/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	1.075	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Cầm Xá
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong	05/QĐ-UBND ngày 16/01/2015	1.077	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hòa Phong
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long	06/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	1.070	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hưng Long
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Dục	04/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	1.110	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Xuân Dục
<b>IV</b>	<b>Huyện Văn Lâm</b>								
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hưng (đoạn từ đường ĐH.15 đến thôn Thanh Miếu)	11/QĐ-UBND ngày 09/02/2015	1.142	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Việt Hưng
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hải (đoạn từ Bốt điện hạ thế thôn Hoàng Nha đi Đình Hoàng Nha)	33B/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.133	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Minh Hải

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (đoạn từ nhà bà Hoa phố Tài đến trạm biến áp phố Tài)	01/QĐ-UBND ngày 16/01/2015	1.227	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Lương Tài
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Đồng (đoạn từ cổng Bùng đến chợ Bãi Sim, thôn Văn Ô)	04/QĐ-UBND ngày 16/01/2015	1.062	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đại Đồng
<b>V</b>	<b>Huyện Văn Giang</b>								
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ thôn 5 đến thôn 7)	05/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.107	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Xuân Quan
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (đoạn từ đầu thôn Đa Ngư đến Nhà tưởng niệm Phó Đức Chính)	12/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.118	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Tân Tiến
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đoạn từ nhà thờ họ Nguyễn đến nhà ông Hương, thôn Giáp Phòng)	05/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Vĩnh Khúc
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thăng Lợi (đoạn từ đầu thôn Xâm Trong đến cuối thôn Xâm Trong)	03/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	1.685	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Thăng Lợi

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>VI</b>	<b>Huyện Tiên Lữ</b>								
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ ngõ ông Thọ đến bãi rác thôn Đặng Xá và đoạn từ công chùa An Tào đến bãi rác thôn An Tào)	94A/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Cương Chính
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dị Chế	02/QĐ-UBND ngày 20/01/2015	1.125	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Dị Chế
23	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng (đoạn từ nhà ông Đoán đến nhà ông Thiệu, thôn Chi Thiện)	41/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	1.137	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đức Thắng
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Phượng (đoạn từ nhà ông Đoán đến Trường THCS xã Minh Phượng và từ cánh giữa đồng đến Quán Đá, thôn Mai Xá)	41a/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	1.132	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Minh Phượng
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ đường ĐT.378 đến thôn Lệ Chi)	101/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	1.137	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Thụy Lôi
<b>VII</b>	<b>Huyện Yên Mỹ</b>								
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Hòa (đoạn từ thôn Xuân Tảo đến đập Quán thôn Thiên Lộc)	40a/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Trung Hòa

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thanh Long (đoạn từ thôn Long Vĩ đến thôn Thượng Tài)	90b/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	1.140	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Thanh Long
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Châu (đoạn từ đường Ma đến đường liên thôn Quảng Uyên - Lục Diên)	97b/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Minh Châu
29	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Hòa (đoạn từ thôn Thông Ninh đến xã Tân Dân)	223b/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Yên Hòa
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (đoạn từ Trường Tiểu học Việt Cường, đến đường Gom Quốc lộ 5B)	61b/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	1.137	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Việt Cường
31	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàn Long (đoạn từ nhà ông Cấn đến trạm bơm Tân Long, thôn Đại Hạnh)	25/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	1.140	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hoàn Long
32	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Than (đoạn từ nhà ông Bảo đến cánh đồng nhà Ve, thôn Phạm Xá)	96/QĐ-UBND ngày 05/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đồng Than
<b>VIII</b>	<b>Huyện Kim Động</b>								
33	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động (đoạn từ chùa Nho Lâm đến ngã tư ông Mỹ)	162/QĐ-UBND ngày 26/12/2014	1.086	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Mai Động

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết dư năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
34	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ xóm Trại, thôn Ngô Quyền đến Nghĩa trang)	89/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.065	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Vĩnh Xá
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Thanh (đoạn từ thôn Vĩnh Đồng đến là Máng N3 và đoạn từ thôn Bùi Xá đến công làng thôn Thanh Sầm)	82/QĐ-UBND ngày 26/12/2014	1.077	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đồng Thanh
36	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhân La (đoạn từ đường ĐH.60 đến thôn Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão)	53/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.069	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Nhân La
37	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng An (đoạn từ Cầu Tre đến hướng đi cầu Đức Hợp)	79/QĐ-UBND ngày 26/12/2014	1.064	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hùng An
38	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chính Nghĩa (đoạn từ đình Tạ Hạ đến công Vũ Xá)	85/QĐ-UBND ngày 26/12/2014	1.055	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Chính Nghĩa
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Thịnh (đoạn từ ngã tư công đá đội 2 đến giáp xã Đức Hợp)	106/QĐ-UBND ngày 25/12/2015	1.070	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Phú Thịnh
<b>IX</b>	<b>Huyện Khoái Châu</b>								
40	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch	54c/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	1.105	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Dạ Trạch
41	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử	49B/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hàm Tử

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đur năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
42	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo (đoạn từ nhà ông Thê đến đường ĐT.377)	05/QĐ-UBND ngày 30/01/2015	1.139	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đông Tảo
43	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hòa	68/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	1.105	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Việt Hòa
44	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê	60/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	1.104	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Liên Khê
45	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (đoạn từ đường trục thôn Nhân Lý đến cổng 773)	34A/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	1.135	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đông Ninh
46	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ông Đình (đoạn từ cầu Bò Đè đến Đền Hạ, thôn 2)	58A/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Ông Đình
47	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Tập	50/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	1.134	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đại Tập
48	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn từ đường 59B đến giáp địa phận xã Thành Công, huyện Khoái Châu)	07/QĐ-UBND ngày 12/02/2015	1.398	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Nhuế Dương
<b>X</b>	<b>Huyện Ân Thi</b>								
49	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn	01/QĐ-UBND ngày 20/01/2015	1.135	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Bắc Sơn
50	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân	03/QĐ-UBND ngày 23/01/2015	1.112	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hồng Vân

zh

STT	Tên huyện/dự án, công trình	Quyết định phê duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn phân bổ (Triệu đồng)			Nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015	Ngân sách huyện, xã	Chủ đầu tư
				Tổng số	Ngân sách tỉnh				
					Nguồn XSKT kết đư năm 2012, 2013	Nguồn dự phòng ngân sách năm 2014			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
51	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám	03/QĐ-UBND ngày 22/01/2015	1.125	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hoàng Hoa Thám
52	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc	01/QĐ-UBND ngày 19/01/2015	1.120	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Xuân Trúc
53	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Lăng	03/QĐ-UBND ngày 20/01/2015	1.100	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Quang Lăng
54	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng	17/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	1.115	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Phù Ủng
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đa Lộc	05/QĐ-UBND ngày 18/01/2015	1.115	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Đa Lộc
56	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hạ Lễ	04/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	1.130	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Hạ Lễ
57	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ	04a/QĐ-UBND ngày 16/01/2015	1.105	1.000			1.000	Phần còn lại	UBND xã Văn Nhuệ